

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C.B
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 50/2023/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 25 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân
chia tài sản chung để thi hành án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C.B, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Kim Chi;

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng: Bà Vũ Thị Anh -
Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng. Mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 53/2022/TLST-VDS, ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: "Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/2023/QĐST-VDS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp số 02/2023/QĐ-TA ngày 10 tháng 7 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1970;
Địa chỉ: Tổ 12 phường H. G, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị X, sinh năm: 1973;

2. Ông Lục Thành T, sinh năm: 1973;

Cùng địa chỉ: SN 046, Tổ 08, phường S.B, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt không có lý do.

3. Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng, người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Văn V - Chi cục trưởng, người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T2 - Chấp hành viên. Địa chỉ: Tổ 07, phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 16/8/2022 và tại phiên họp giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Phạm Thị N trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2021/DS-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.B thì bà Nông Thị X phải thanh toán cho tôi số tiền 700.653.100đ và lãi xuất chậm thi hành án. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, tôi đã làm đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án đã thụ lý và ra Quyết định thi hành án, nhưng đến thời điểm này bà X chưa thanh toán cho tôi đồng nào trong số tiền phải thanh toán nêu trên. Ngày 12/8/2022, qua quá trình xác minh điều kiện thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B đã xác minh được tài sản của bà Nông Thị X tại tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B là tài sản chung của bà X với chồng ông Lục Thành T. Do vậy, đã áp dụng các quy định của pháp luật về thi hành án, thông báo cho tôi có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu của bà Nông Thị X trong khối tài sản chung với ông Lục Thành T để làm cơ sở cho việc xử lý tài sản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C.B, xác định quyền sở hữu, sử dụng đất của bà Nông Thị X trong khối tài sản chung với ông Lục Thành T đối với tài sản sau đây: Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019, địa chỉ thửa đất: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng để xử lý tài sản và thu hồi tiền cho tôi theo Bản án tòa án đã tuyên.

Tại bản khai ngày 08/01/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lục Thành T trình bày: Tôi là chồng của bà Nông Thị X, sau khi kết hôn, vợ tôi ở nhà nuôi 02 con nhỏ, tài sản không có gì, ở với Bố, Mẹ chồng. Đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m² là tài sản của vợ chồng con trai tôi mua, là Lục Thế H vợ Hoàng La Phương T4, nhờ vợ chồng tôi đứng tên, lý do là đất Nông nghiệp, con tôi lại công tác trong lực lượng vũ trang nên không thể đứng tên mua bán đất Nông nghiệp theo quy định của Nhà nước, chỉ là đám đất Nông nghiệp, chưa chuyển đổi sang đất thổ cư và chưa xây dựng gì. Đã làm chuyển quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng tôi góp vay của Bố, Mẹ, vợ con trai tôi và con dâu. Bố, Mẹ, vợ con trai tôi còn phải bán 01 đám đất ở Nà cạ để cho vợ chồng con trai tôi vay mua đám đất trên. Con tôi mua đám đất này với Hoàng Thị H2 là con của bà V chứ không phải mua với bà V, giá đất khi con tôi mua là 5.000.000đ/1m².

Về việc bà N yêu cầu thi hành án đám đất trên tôi hoàn toàn không nhất trí vì đó là tiền của con tôi tích góp và vay mượn để mua.

Tại bản khai ngày 25/11/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T2 - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B,

tỉnh Cao Bằng trình bày: Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2021/DS-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" thì bà Nông Thị X (địa chỉ: Tổ 08, phường S.B, thành phố C.B) có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị N (địa chỉ: Tổ 12, phường H. G, thành phố C.B) số tiền gốc và lãi là 700.653.100đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.026.124đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B đã thụ lý và giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết, Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B đã nhiều lần tuyên truyền, vận động thuyết phục bà Nông Thị X tự nguyện thi hành án số tiền trên, nhưng đến nay bà X vẫn không tự nguyện thi hành án. Quá trình xác minh được biết, bà X có tài sản chung với chồng ông Lục Thành T là quyền sử dụng đất: Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019, địa chỉ thửa đất: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng mang tên Nông Thị V (Nông Thị Nháo), địa chỉ: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng. Nguồn gốc đất nêu trên do bà Nông Thị X và ông Lục Thành T nhận chuyển nhượng của bà Nông Thị V (Nông Thị Nháo).

Xét thấy bà X có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án, mặc dù đã được tuyên truyền, vận động nhiều lần nên ngày 08/7/2022, Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B đã ra thông báo số 480/TB-CCTHADS thông báo cho bà X và ông Toàn có quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật, bà Xuân và ông Toàn không tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Ngày 18/7/2022, chấp hành viên có thông báo cho ông bà yêu cầu cung cấp thông tin giấy tờ liên quan đến thửa đất nhưng ông bà không cung cấp. Ngày 12/8/2022, Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B đã ra thông báo số 600/TB-CCTHADS thông báo cho bà Phạm Thị N là người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà Nông Thị X trong khối tài sản chung với ông Lục Thành T theo thủ tục tố tụng dân sự là hoàn toàn đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Để việc tổ chức thi hành án dân sự đạt hiệu quả, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố C.B giải quyết việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của bà Nông Thị X và ông Lục Thành T để thi hành án theo quy định của pháp luật.

* Kết quả xác minh, thẩm định tại chỗ:

Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019, địa chỉ thửa đất: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng mang tên Nông Thị V (Nông Thị Nháo), địa chỉ: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng. Ngày 04/12/2020, Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh thành phố C.B thông báo việc chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính của bà Nông Thị V có nội dung biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X.

Về các hướng tiếp giáp của thửa đất:

- + Phía Bắc giáp đường dân sinh;
- + Phía Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Xuân B, có ranh giới bằng tường xây móng gạch;
- + Phía Tây giáp thửa đất 121 của ông Nguyễn Văn M, có ranh giới bằng tường xây móng gạch;
- + Phía Đông giáp thửa 110 (không xác định được chủ sở hữu của thửa đất), ranh giới đã có hàng gạch chỉ xây cố định.

Về diện tích, kích thước theo trích lục đo vẽ đính kèm.

Về tài sản trên đất: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng phát biểu:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Thư ký phiên họp trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X đều tự nhận thức và cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019 đã chứng minh quyền sử dụng thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc bà Nam xác định thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019, địa chỉ thửa đất: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng mang tên Nông Thị V (Nông Thị Nháo), địa chỉ: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao

Bằng. Ngày 04/12/2020, Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh thành phố C.B thông báo việc chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính của bà Nông Thị Vân có nội dung biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X và yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản, phân chia tài sản để thi hành án đối với nghĩa vụ thi hành án của bà Nông Thị X là có căn cứ và cần được chấp nhận. Đối với ý kiến của ông Toàn cho rằng thửa đất số 116 là tài sản của con trai Lục Thế H và con dâu Hoàng La Phương T4, nhưng ông Toàn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận và không đề nghị Tòa án xem xét.

Căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, 157, 363, 366, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Luật đất đai năm 2003, Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; Nghị định 62/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị N, tuyên bố tài sản thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019, địa chỉ thửa đất: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng mang tên Nông Thị Vân (Nông Thị Nháo), địa chỉ: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng. Ngày 04/12/2020, Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh thành phố C.B thông báo việc chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính của bà Nông Thị Vân có nội dung biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X là tài sản chung của vợ chồng, ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X, hai vợ chồng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản trên.

Về lệ phí: Bà Nam phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự quy định tại Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH11 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Nông Thị X phải chịu nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố C.B nhận định:

1. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị X, ông Lục Thành T: Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt trực tiếp, niêm yết công khai, hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Lục Thành T, bà Nông Thị X cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Toàn, bà Xuân.

2. Về Nội dung: Đối với tài sản thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019, địa chỉ thửa đất: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng mang tên Nông Thị Vân (Nông Thị Nháo), địa chỉ: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng. Ngày 04/12/2020, Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh thành phố C.B thông báo việc chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính của bà Nông Thị Vân có nội dung biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X. Do đó, được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X nên yêu cầu của bà Phạm Thị N là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Việc ông Toàn trình bày thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m² là tài sản của vợ chồng con trai ông mua, là Lục Thế Huy vợ Hoàng La Phương Thảo và nhờ vợ chồng ông đứng tên với lý do là đất Nông nghiệp, con ông lại công tác trong lực lượng vũ trang nên không thể đứng tên mua bán đất Nông nghiệp theo quy định của Nhà nước. Nhưng đến tại thời điểm mở phiên họp ông Toàn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc con trai và con dâu ông mua đất, cũng không cung cấp họ tên, địa chỉ con trai con dâu ông để Tòa án thông báo thông tin bị kiện của thửa đất số 116, tờ bản đồ 93, diện tích 314m², có địa chỉ tổ 03, phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng. Tòa án cũng đã làm thủ tục niêm yết công khai tại nơi gia đình ông Toàn đang cư trú, về việc bà Nam yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà Nông Thị X trong khối tài sản chung với ông Lục Thành T đối với thửa đất trên, nhưng đến thời điểm mở phiên họp, Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi từ khu dân cư, bà Xuân hay người nhà ông Lục Thành T. Nên lời trình bày của ông Toàn là không có căn cứ và không được chấp nhận.

Về lệ phí: Bà N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự quy định tại Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH11 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nông Thị X phải chịu nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết việc dân sự của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 74, khoản 3 Điều 75 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, Điều 33, khoản 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật đất đai năm 2003, Điều 95 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chịu tiền xem xét thẩm định tại chỗ.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Phạm Thị N;

Tài sản của bà Nông Thị X được xác định là 1/2 quyền sở hữu, sử dụng tài sản: 01 thửa đất số 116, tờ bản đồ số 93, diện tích 314m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 177610 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31/12/2019, địa chỉ thửa đất: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng mang tên Nông Thị V (Nông Thị Nháo), địa chỉ: Tổ 09 cũ (nay là tổ 03) phường Đ.T, thành phố C.B, tỉnh Cao Bằng. Ngày 04/12/2020, Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh thành phố C.B thông báo việc chỉnh lý bản sao hồ sơ địa chính của bà Nông Thị V có nội dung biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lục Thành T và vợ bà Nông Thị X.

Thửa đất có tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Bắc giáp đường dân sinh;
- + Phía Nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Xuân Bách, có ranh giới bằng tường xây móng gạch;
- + Phía Tây giáp thửa đất 121 của ông Nguyễn Văn Một, có ranh giới bằng tường xây móng gạch;
- + Phía Đông giáp thửa 110 (không xác định được chủ sở hữu của thửa đất), ranh giới đã có hàng gạch chỉ xây cố định.

Về diện tích, kích thước theo trích lục đo vẽ đính kèm.

Về tài sản trên đất: Không có.

2. Về Lệ phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu nộp 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự để sung Ngân sách Nhà nước, bà Nam được trừ vào

số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại Biên lai số 0003277 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B.

Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tài sản, Bà Nông Thị X phải chịu nộp 2.100.000đ tiền chi phí thẩm định tài sản + 3.000.000đ tiền chi phí đo đạc = 5.100.000đ. (Xác nhận bà N đã tạm nộp 10.000.000đ để chi khoản tiền chi phí thẩm định, đo đạc tài sản, bà Nam đã tạm chi tiền thẩm định đo đạc là 5.100.000đ và được hoàn lại số tiền 4.900.000đ (đã tạm nộp). Nay bà X phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5.100.000đ cho bà Nam theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản. Nếu bà X chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ các Điều 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự, người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, ngày 10/7/2023. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDTP, CCTHADSTP Cao Bằng;
- TAND, VKSND tỉnh CB;
- Lưu HS VDS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

Hoàng kim Chi

